

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 22-01-2021
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rê.
2. Ông Nguyễn Đức Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Nguyễn Minh C - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: 231 đường số 12, phường O, thành phố Q, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2020) (có mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng P - Sinh năm 1985 - Hộ khẩu thường trú: khu phố P, thị trấn S, huyện C, tỉnh Long An - Chỗ ở: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh P1 - Sinh năm 1970 - Hộ khẩu thường trú: ấp 5, xã K, huyện C, tỉnh Long An - Chỗ ở: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T do ông Nguyễn Minh C đại diện hợp pháp trình bày và yêu cầu:

Ngày 14/01/2020, ông T cho bà P vay số tiền 491.300.000 đồng, biên nhận nợ do bà P ghi và ký tên, trong biên nhận không ghi lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay. Tuy nhiên, trên thực tế thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay dùng vào sinh hoạt gia đình.

Từ ngày vay đến nay bà P không trả tiền lãi và vốn. Ông T đã liên hệ bà P và ông P1 (chồng bà P) để yêu cầu trả tiền nhưng không trả.

Ông T khởi kiện yêu cầu bà P và ông P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 561.208.714 đồng, trong đó: 491.300.000 đồng tiền vốn và 69.908.714 đồng tiền lãi (tiền lãi tính từ ngày 14/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/01/2021, cụ thể: 491.300.000 đồng x 1.16%/tháng x 12 tháng 8 ngày).

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P1 trình bày: Ông không thống nhất T bộ phần trình bày và yêu cầu của ông T. Ông không đồng ý liên đới cùng bà P trả cho ông T số tiền 491.300.000 đồng và tiền lãi. Ông là chồng hợp pháp của bà P. Tuy nhiên, việc bà P có vay tiền của ông T hay không ông không biết, chỉ tiêu sinh hoạt hàng ngày do ông chi trả.

Bị đơn bà Phạm Thị Hồng P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P1 vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà P và ông P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 561.208.714 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Anh T khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Phạm Thị Hồng P và ông Trần Thanh P1 Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Phạm Thị Hồng P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P1 được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của ông bà, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Bà P, ông P1 không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa vì ông bà đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông bà theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và trình bày không thỏa thuận được với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết T bộ nội dung vụ án.

[4] Xét việc ông T yêu cầu bà P, ông P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vốn vay 491.300.000 là có căn cứ chấp nhận T bộ. Bởi vì:

[5] Lời trình bày của ông T phù hợp biên nhận nợ ngày 14/01/2020 do bà P viết. Bà P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được, nên không có căn cứ xem xét chứng cứ mà ông T cung cấp cho Tòa án không phải do bà P viết. Ông P1 trình bày sinh hoạt hàng ngày do ông tự chi trả, không sử dụng tiền của bà P. Tuy nhiên, ông P1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không xem xét, do ông P1 có quan hệ vợ chồng hợp pháp với bà P nên ông P1 có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, xét bà P đã nhận khoản tiền vay 491.300.000 đồng từ ông T, đến hạn bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà P, ông P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về tiền lãi ông T yêu cầu bà P, ông P1 có nghĩa vụ liên đới trả 69.908.714 đồng tiền lãi là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Vì ông T yêu cầu thời gian tính lãi, số vốn dùng để tính lãi, lãi suất 1.16%/tháng là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Từ các nhận định trên, cần buộc bà P và ông P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền 561.208.714 đồng.

[8] Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông T được chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp.

[10] Bà P, ông P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T 561.208.714 đồng nên phải chịu 26.448.348,56 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Phạm Thị Hồng P, ông Trần Thanh P1.

Buộc bà Phạm Thị Hồng P, ông Trần Thanh P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền 561.208.714 đồng (năm trăm sáu mươi một triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm mười bốn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị Hồng P, ông Trần Thanh P1 có nghĩa vụ liên đới chịu 26.448.348,56 đồng (hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm bốn mươi tám, phẩy năm mươi sáu đồng) tiền án phí.

Ông Nguyễn Anh T không phải chịu án phí. Trả lại cho ông T 12.825.227 đồng (mười hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0008776 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2021). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái